

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG THÔNG QUA HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Nguyễn Thị Khuyên

Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tiền Giang, Việt Nam

Email: ngkhuyen84@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 03/9/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 10/12/2020; Ngày duyệt đăng: 18/6/2021

Tóm tắt

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc đối với sinh viên năm thứ nhất ở các trường đại học. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về nhà nước, pháp luật và một số quy định cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Để đạt kết quả tốt trong học phần, sinh viên phải có kỹ năng giải quyết vấn đề. Vậy, kỹ năng giải quyết vấn đề là gì; các nguyên nhân nào ảnh hưởng đến kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên; thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Tiền Giang như thế nào; để phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên năm thứ nhất thông qua học phần Pháp luật đại cương thì cần có các biện pháp nào; đó là những nội dung chính tác giả muốn chia sẻ trong bài viết này.

Từ khóa: *Kỹ năng giải quyết vấn đề, phát triển, pháp luật đại cương, sinh viên.*

DEVELOPING PROBLEMS SOLVING SKILLS FOR FIRST-YEAR STUDENTS TIEN GIANG UNIVERSITY THROUGH THE GENERAL LAW TOPIC

Nguyen Thi Khuyen

Faculty of Economics - Law, Tien Giang University, Vietnam

Email: ngkhuyen84@gmail.com

Article history

Received: 03/9/2020; Received in revised form: 10/12/2020; Accepted: 18/6/2021

Abstract

General law is a compulsory subject for first-year students in all Vietnamese universities. The module equips students with basic knowledge of the state, law and some basic provisions of a number of legal branches in the Vietnamse legal system. To achieve good results in the module, students must have problem solving skills. So, what is problem solving skills? What factors influence student problem-solving skills? How is the situation of first-year student's problem-solving skills at Tien Giang University? What measures should be taken to develop first-year students' problem solving skills through the general law module? In this article, these issues would be thoroughly discussed.

Keywords: *Development, general law, problem solving skills, students.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.10.6.2021.906>

Trích dẫn: Nguyễn, T. K. (2021). Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Tiền Giang thông qua học phần Pháp luật đại cương. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(6), 21-28. <https://doi.org/10.52714/dthu.10.6.2021.906>.

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng giải quyết vấn đề (GQVĐ) là kỹ năng cần thiết đối với sinh viên (SV) hiện nay, đặc biệt đối với SV năm thứ nhất. Để đạt hiệu quả đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội, việc phát triển kỹ năng GQVĐ cho SV năm thứ nhất là điều không thể thiếu trong quá trình giáo dục đào tạo tại các trường đại học. Một trong những phương pháp phát triển kỹ năng GQVĐ cho SV năm nhất là rèn luyện kỹ năng thông qua các học phần giảng dạy, trong đó có học phần pháp luật đại cương. Việc nghiên cứu phát triển kỹ năng GQVĐ cho SV năm thứ nhất là cần thiết nhằm trang bị cho SV kỹ năng cần thiết để đạt kết quả tốt trong học tập và thực hiện tốt công việc chuyên môn khi tốt nghiệp.

2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

- Dữ liệu nghiên cứu:

+ Dữ liệu thứ cấp: Sách, tạp chí, các đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu về kỹ năng GQVĐ, phương pháp dạy học GQVĐ và đổi mới phương pháp dạy học học phần Pháp luật đại cương.

+ Dữ liệu sơ cấp: Thông qua kết quả phiếu điều tra một số SV năm thứ nhất đối với bảng câu hỏi đề xuất.

- Phương pháp nghiên cứu: Bài viết nghiên cứu dựa trên phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu có liên quan đến nội dung nghiên cứu. Ngoài ra, để đánh giá được thực trạng và nguyên nhân kỹ năng GQVĐ của SV năm thứ nhất, tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra thông qua các bảng hỏi đối với một số SV năm thứ nhất, từ đó đề xuất các biện pháp khả thi để áp dụng trong thực tế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cơ sở lý luận về kỹ năng GQVĐ của SV

3.1.1. Khái niệm kỹ năng GQVĐ

Theo tổ chức UNESCO, kỹ năng GQVĐ là một kỹ năng sống, thuộc nhóm kỹ năng chung gồm: Kỹ năng nhận thức, kỹ năng cảm xúc, kỹ năng xã hội. Còn theo Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) thì kỹ năng GQVĐ là một kỹ năng sống gồm các kỹ năng: Phân tích vấn đề, nhận thức vấn đề, ra quyết định, ứng xử, GQVĐ...

Trong khi đó, theo tác giả Nguyễn Cảnh Toàn và Lê Hải Yên “Kỹ năng GQVĐ (Problem solving skills) là một kỹ năng tổng hợp của quá trình nhìn nhận, đánh giá và phân tích một vấn đề, một hiện tượng, một sự

kiện nào đó để từ đó đưa ra những phán đoán, giải pháp và phương án xử lý phù hợp nhất” (Nguyễn & Lê, 2011, tr.187).

Từ việc tham khảo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu về kỹ năng GQVĐ, tác giả đưa ra khái niệm kỹ năng GQVĐ như sau: Kỹ năng GQVĐ là sự giải quyết có kết quả những vấn đề nảy sinh trong hoạt động hàng ngày của con người bằng cách tiên hành đúng đắn các bước, các thao tác trên cơ sở vận dụng những tri thức và kinh nghiệm của chủ thể. Nói cách khác, kỹ năng GQVĐ là khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống một cách phù hợp và hiệu quả bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm, thái độ.

3.1.2. Các kỹ năng trong quá trình GQVĐ của SV

Để giải quyết tốt vấn đề trong hoạt động học tập, SV cần có các kỹ năng sau: (Nguyễn & Lê, 2011, tr. 192, 193, 194).

Thứ nhất, kỹ năng tìm hiểu. Tìm hiểu các môn khoa học xã hội đòi hỏi nhiều kỹ năng trí tuệ khác nhau. Tìm hiểu là việc khảo sát các mô tả, quan sát, giải thích, xác minh, đánh giá và chứng minh sự đúng đắn hay sai lầm của một vấn đề. Kỹ năng này thể hiện ở việc, trước khi GQVĐ, người học phải tìm hiểu kỹ vấn đề cần giải quyết về các nội dung cụ thể như: Vấn đề yêu cầu giải quyết thuộc lĩnh vực gì? Nằm ở nội dung nào của học phần? Cần đọc tài liệu nào để giải quyết, ...

Thứ hai, kỹ năng phân tích vấn đề. Thường những kỹ năng đơn giản nhất lại là những kỹ năng cơ bản nhất. Người học thường quan tâm đến sự phân biệt rạch ròi mọi khái niệm, mọi góc cạnh ý nghĩa của vấn đề. Người học có thể dùng phép đồng nghĩa để xác định ý nghĩa trung tâm của khái niệm, phép trái nghĩa để phân biệt vỏ bề ngoài của khái niệm. Kỹ năng này được hiểu là SV vận dụng những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm bản thân vào việc phân tích các mâu thuẫn của vấn đề như phân tích kiến thức, phân tích những đối tượng liên quan đến vấn đề, những khó khăn, thuận lợi, những mục tiêu cần phải đạt được, những nguồn trợ giúp để thực hiện các mục tiêu đề ra.

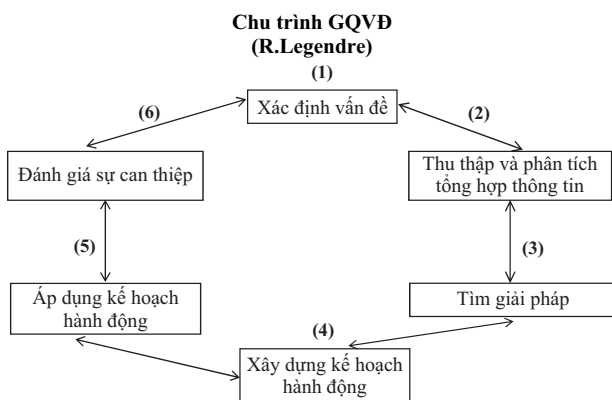
Thứ ba, kỹ năng chuyển dịch. Một trong những khó khăn của quá trình nhận thức là kỹ năng suy lý hay lý giải được vận dụng để chuyển dịch một thông tin từ người này đến người khác, hoặc từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Người học phải chuyển tải được nội dung của thông tin nói gì, hàm chứa điều

gì, thừa nhận điều gì. Người học phải làm một phép biến đổi hình thức thông tin mà vẫn giữ nguyên đúng nội hàm ý nghĩa nguyên thủy của nó. Kỹ năng này thể hiện ở việc SV phải chuyển dịch đúng nội dung, yêu cầu của các vấn đề mà giảng viên (GV) đặt ra trong quá trình học tập để tránh tình trạng giải quyết sai hoặc lạc đề so với yêu cầu của GV.

Thứ tư, kỹ năng suy lý hay lập luận. Mọi hành động của con người dù cố ý hay vô ý đều liên quan đến tư duy. Tuy nhiên, tiêu chí logic của tư duy có giá trị ở mức độ nào còn tùy thuộc vào khả năng lập luận (suy lý). Suy lý có các cấp độ khác nhau từ đơn giản đến phức tạp, từ một bước đến nhiều bước. Kỹ năng suy lý có vai trò quan trọng trong GQVĐ. Kỹ năng này hướng SV đến việc dùng ngôn ngữ (lời nói, chữ viết và phi ngôn ngữ) thể hiện, chia sẻ và thuyết phục về tính độc đáo, hiệu quả của giải pháp GQVĐ.

Thứ năm, kỹ năng ngoại suy. Ngoại suy là suy luận, trừu tượng để giải quyết các vấn đề cụ thể. Đối với học phần Pháp luật đại cương, có rất nhiều các câu hỏi, bài tập trong quá trình học tập mà SV phải vận dụng khả năng ngoại suy để trừu tượng hóa, rút ra những suy lý hợp thức, các con đường để có thể trả lời được các câu hỏi và làm được các bài tập. Bản chất của ngoại suy là phải suy luận, phải trừu tượng hóa cao để quay lại giải quyết những vấn đề cụ thể, là từ những luận đề phải giải quyết, SV phải tìm các luận chứng hay các luận cứ để biện minh cho các luận chứng của mình. Nếu SV không nắm vững các khái niệm, không hiểu bản chất, không tìm đủ các luận cứ, không dùng ngoại suy thì không thể đưa ra các luận chứng để GQVĐ trong hoạt động học tập.

3.1.3. Chu trình GQVĐ



Hình 1. Chu trình GQVĐ

Theo R. Legendre, chu trình GQVĐ gồm 6 bước: (Nguyễn & Lê, 2011, tr. 214)

- Bước xác định vấn đề;
- Bước thu thập và phân tích tổng hợp thông tin;
- Bước tìm giải pháp;
- Bước xây dựng một kế hoạch hành động;
- Bước áp dụng kế hoạch hành động;
- Bước đánh giá sự can thiệp.

3.2. Thực trạng kỹ năng GQVĐ của SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Tiền Giang

Để tìm hiểu về vấn đề này, tác giả đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 120 SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Tiền Giang ở hai nội dung:

Thứ nhất, đánh giá của SV về vai trò của kỹ năng GQVĐ.

Bảng 1. Kết quả khảo sát của SV Trường Đại học Tiền Giang về vai trò của kỹ năng GQVĐ trong hoạt động học tập

TT	Mức độ quan trọng	SV	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hoàn toàn không quan trọng	2	1,6
2	Không quan trọng	1	0,8
3	Bình thường	35	29,1
4	Quan trọng	59	49,2
5	Rất quan trọng	23	19,3

Kết quả thống kê cho thấy SV có nhận thức chưa tốt về tầm quan trọng của kỹ năng GQVĐ. Có đến 35 (29,1%) SV đánh giá kỹ năng GQVĐ là “bình thường”, chỉ có 59 (49,2%) SV lựa chọn “quan trọng”, mức “rất quan trọng” chỉ được 23 (19,3%) SV quan tâm. Điều này thể hiện SV năm thứ nhất nhìn nhận và đánh giá chưa cao về kỹ năng GQVĐ, một trong những kỹ năng cần thiết trong hoạt động học tập của họ.

Thứ hai, đánh giá thực trạng kỹ năng GQVĐ trong hoạt động học tập của SV năm thứ nhất.

Qua bảng thống kê cho thấy kỹ năng GQVĐ trong học tập của SV năm thứ nhất chưa cao. Có tới 45 (37,5%) SV chưa làm được việc phát hiện và nêu vấn đề trong học tập; 42 (35%) SV biết xác định các kiến thức cần thiết cho việc GQVĐ ở mức độ khá. Trong khi đó, chỉ có 25 SV thường xuyên biết tìm hiểu kiến thức mới có liên quan; 40 (33,3%) SV thường xuyên biết đề xuất các ý tưởng giả thuyết.

Bảng 2. Kết quả khảo sát của SV Trường Đại học Tiền Giang về thực trạng kỹ năng GQVĐ

STT	Nội dung đánh giá	Số phiếu đánh giá		
		Tốt (Thường xuyên)	Khá (Thỉnh thoảng)	Chưa tốt (Chưa làm được)
1	Biết phát hiện vấn đề và nêu vấn đề trong học tập	30	45	45
		25%	37,5%	37,5%
2	Biết đề xuất các ý tưởng của giả thuyết	40	35	45
		33,3%	29,2%	37,5%
3	Biết xác định các kiến thức cần thiết cho việc GQVĐ	40	42	38
		33%	35%	32%
4	Biết tìm hiểu kiến thức mới có liên quan	25	65	30
		21%	54%	25%
5	Biết lựa chọn giải pháp tốt GQVĐ	30	45	45
		25%	37,5%	37,5%
6	Biết kiểm tra, đánh giá giải pháp phát triển vấn đề	34	36	50
		29%	30%	41%
7	Biết trình bày kết quả	25	40	55
		21 %	33,3%	45,7%

Một phần do cách dạy truyền thống “thầy giảng, trò viết” ở cấp trung học phổ thông đã được hình thành quá lâu. Thầy cô ở cấp phổ thông chưa thật sự tạo ra môi trường để các em có thể động não, suy nghĩ và tìm cách GQVĐ. Hầu hết, thầy cô đều đưa ra sẵn tình huống hay phương pháp giải quyết các tình huống và các em chỉ cần nghe, hiểu, ghi chép và làm theo mà không cần phải tư duy hay động não để tìm cách giải quyết. Rõ ràng, điều này gây khó khăn cho cả thầy và trò ngay khi bước vào giảng đường đại học. Đối với trò sẽ gặp khó khăn khi một số GV ở bậc đại học đã áp dụng phương

pháp dạy học GQVĐ ngay từ đầu năm thứ nhất. Điều này sẽ làm các em bối rối trong việc lĩnh hội kiến thức, từ đó dẫn đến việc các em dễ dàng chán nản. Các em không biết mình sẽ giải quyết như thế nào, dựa vào yếu tố nào để mình lựa chọn phương pháp GQVĐ tối ưu nhất. Điều này khẳng định việc phát triển kỹ năng GQVĐ cho SV năm thứ nhất là vô cùng cần thiết nhằm giúp các em có kỹ năng để GQVĐ khi vào chương trình của các học phần chuyên ngành.

3.3. Nguyên nhân của thực trạng GQVĐ của SV năm thứ nhất, Trường Đại học Tiền Giang

Bảng 3. Kết quả khảo sát của SV Trường Đại học Tiền Giang về nguyên nhân của thực trạng GQVĐ của SV năm thứ nhất

STT	Nội dung đánh giá	Số phiếu đánh giá		
		Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Chưa nắm vững kiến thức và phương pháp học tập	30	30	60
		25%	25%	50%
2	Quen với cách học tập ở phổ thông	35	45	50
		29,2%	37,5%	41,3%
3	Thiếu kiến thức và kỹ năng GQVĐ	30	30	60
		25%	25%	50%
4	Bản thân chưa được trang bị các kỹ năng cần thiết (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm...)	22	43	55
		18,4%	35,8%	45,8%

5	Bản thân chưa tích cực trong việc GQVĐ	70	30	20
		58,3%	25%	16,7%
6	Thiếu tự tin, ngại ngần khi trình bày phương án GQVĐ	30	50	40
		25%	41,7%	33,3%
7	Bản thân không hứng thú với việc GQVĐ	40	20	60
		33,3%	16,7%	50 %
8	Các vấn đề GV đặt ra chưa sinh động	30	50	40
		25%	41,7%	33,3%
9	GV không nhận xét, đánh giá kết quả GQVĐ của SV	60	25	35
		50%	20,8%	29,2%
10	Vấn đề GV đặt ra chưa rõ ràng, cụ thể	40	20	60
		33,3%	16,4%	50%

Thông qua bảng thống kê có thể thấy nguyên nhân của thực trạng GQVĐ nêu trên một phần từ chính bản thân của SV. Cụ thể: có tới 50 SV (41,3%) hoàn toàn đồng ý việc “quen với cách học tập ở phổ thông” có ảnh hưởng đến kỹ năng GQVĐ. Kết quả này cho thấy phương pháp học tập ở cấp phổ thông khác nhiều so với bậc đại học nên SV năm thứ nhất chưa kịp thích nghi với những phương pháp học tập mới.

Nguyên nhân tiếp theo là “chưa nắm vững kiến thức và phương pháp học tập” và “thiếu kiến thức và kỹ năng GQVĐ” đều có 60 (50%) SV hoàn toàn đồng ý. Như vậy về mặt chủ quan, do SV chưa có phương pháp học tập hiệu quả, không có đủ những kiến thức, kỹ năng để GQVĐ trong hoạt động học tập, nên việc GQVĐ, khắc phục các khó khăn trong học tập còn chưa được tốt.

Tiếp theo là nguyên nhân như sự e ngại, rụt rè, thiếu tự tin khi trình bày phương án GQVĐ, bản thân SV không được trang bị các kỹ năng cần thiết cũng như thiếu sự tích cực, chủ động, nỗ lực khi GQVĐ nảy sinh trong học tập. Những nguyên nhân đó đều có ảnh hưởng không nhỏ đến kỹ năng GQVĐ của SV. Yếu tố “bản thân không hứng thú với việc GQVĐ” cũng ảnh hưởng đến kỹ năng GQVĐ của SV khi có tới 60 (50%) SV hoàn toàn đồng ý. Vì vậy, việc tạo hứng thú trong quá trình GQVĐ cũng rất cần thiết để thúc đẩy SV tích cực tham gia vào quá trình GQVĐ trong hoạt động học tập.

Qua bảng thống kê trên chúng ta thấy thực trạng kỹ năng GQVĐ của SV một phần xuất phát nguyên nhân từ GV. Có 50 (41,7%) SV trả lời đồng ý và 40 (33,3%) SV trả lời hoàn toàn đồng ý các vấn đề GV đặt ra chưa sinh động là một trong những nguyên nhân của việc hạn chế khả năng GQVĐ. Ngoài ra,

việc GV không nhận xét, đánh giá kết quả GQVĐ của SV hoặc các vấn đề GV đặt ra chưa rõ ràng, cụ thể cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự tích cực trong quá trình GQVĐ của SV. Từ những nguyên nhân trên rất cần những biện pháp từ GV và SV để nâng cao kỹ năng GQVĐ của SV năm thứ nhất, Trường Đại học Tiền Giang.

3.4. Các biện pháp phát triển kỹ năng GQVĐ cho SV năm thứ nhất Trường Đại học Tiền Giang thông qua học phần Pháp luật đại cương

Kỹ năng GQVĐ trong hoạt động học tập của SV năm thứ nhất là khả năng thực hiện đúng các bước, các thao tác của quá trình GQVĐ để giải quyết có kết quả và hợp lý những vấn đề trong hoạt động học tập. Tác động đến kỹ năng GQVĐ của SV năm thứ nhất không chỉ có những yếu tố từ phía GV mà còn cả những yếu tố xuất phát từ chính bản thân SV. Vì vậy, để phát triển kỹ năng GQVĐ trong hoạt động học tập của SV năm thứ nhất, tác giả chú trọng đến hai nhóm biện pháp sau:

3.4.1. Đối với GV

Thứ nhất, GV phải nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng GQVĐ cho SV.

Điều này thể hiện ở việc, từng nội dung giảng dạy, GV phải xây dựng các vấn đề cụ thể để SV giải quyết. Nội dung vấn đề có thể ở mức độ từ dễ đến khó để SV làm quen, sau đó từ từ tiếp cận đối với phương pháp này. Để làm được điều này, GV phải đầu tư thời gian để xây dựng các vấn đề phù hợp với nội dung giảng dạy. Khi mới tiếp cận GQVĐ, GV phải hướng dẫn cụ thể từng bước giải quyết. Sau khi SV giải quyết xong, GV phải đánh giá, nhận xét, góp ý để SV giải quyết tốt các vấn đề tương tự. Tránh tình

trạng GV không động viên, góp ý đối với những vấn đề SV giải quyết, như thế sẽ không tạo được động lực để SV giải quyết các vấn đề tiếp theo.

Ngoài ra, để nâng cao khả năng GQVĐ, GV phải khuyến khích SV mạnh dạn, chủ động giao tiếp, trao đổi, bày tỏ những suy nghĩ hay những thắc mắc trong học tập, trong cuộc sống với GV, cố vấn học tập, cũng như bạn bè. Để rèn luyện được sự mạnh dạn, tự tin của SV thì trong quá trình học tập, GV nên thường xuyên gọi SV đứng lên trả lời các vấn đề GV đặt ra, thường xuyên trao đổi, trò chuyện với SV các vấn đề học tập hoặc cuộc sống.

Thứ hai, GV phải tạo được sự hứng thú trong quá trình GQVĐ của SV.

Điều này thể hiện ở việc khi đánh giá điểm quá trình, GV nên lấy kết quả quá trình GQVĐ của SV là một cột điểm trong tổng số điểm quá trình của học phần để SV có động lực và ý thức GQVĐ. Nếu GV không đánh giá quá trình GQVĐ thì sẽ không tạo động lực để SV tích cực trong hoạt động GQVĐ.

Ngoài ra, các câu hỏi, các vấn đề yêu cầu SV giải quyết phải là những vấn đề gắn với thực tiễn nảy sinh trong cuộc sống, từ đó sẽ tạo kích thích, động lực để SV giải quyết. Học phần Pháp luật đại cương là học phần có sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn rất phong phú, sinh động. Vì vậy, nếu GV khai thác được lợi thế này sẽ tạo được sự phấn khích của SV GQVĐ cũng như phấn khích trong quá trình học tập. Cụ thể, đối với nội dung Luật Hình sự, GV nên xây dựng vấn đề là những vụ án điển hình vừa xảy ra hàng ngày để yêu cầu SV phân tích, giải quyết. Đối với nội dung Luật Hôn nhân gia đình, vấn đề là những vấn đề về kết hôn, những vụ án về tranh chấp tài sản, con cái khi ly hôn,....

Thứ ba, GV phải kết hợp nhiều phương pháp trong quá trình GQVĐ để phát triển kỹ năng GQVĐ.

Khi yêu cầu SV GQVĐ, GV có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Để phát triển kỹ năng GQVĐ của SV đối với học phần Pháp luật đại cương, GV có thể sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp đàm thoại phát hiện: Đây là phương pháp trao đổi giữa GV và SV thông qua hệ thống câu hỏi mà GV nêu ra để SV suy lý, phán đoán, tự đi đến kết luận, qua đó lĩnh hội các kiến thức. Đối với phương pháp này, GV có thể sử dụng trong quá trình thuyết giảng của mình. Đối với mỗi nội dung kiến thức, trước khi truyền đạt cho SV, GV nên đặt

vấn đề và yêu cầu nhiều SV giải quyết. Sau đó tổng kết lại những nội dung giải quyết của SV và đưa ra kết luận chính xác cho nội dung kiến thức đó. Ví dụ: Trước khi tìm hiểu khái niệm “tội phạm”, GV nên đặt vấn đề: Ai có thể là tội phạm? Tội phạm phải là người bao nhiêu tuổi? Nếu là tội phạm thì phải thực hiện những hành vi như thế nào?... GV có thể nêu một vài tình huống trong thực tiễn về tội phạm, sau đó, hướng dẫn SV suy lý, phán đoán và nhận xét. Nếu SV chưa thể giải quyết chính xác vấn đề, GV có thể tiếp tục gợi mở cho SV bằng các kiến thức liên quan để có thể giải quyết được các vấn đề đã nêu. Sau đó, GV rút ra những nhận xét, kết luận từ những vấn đề đã nêu. Thông qua phương pháp này, SV không những lĩnh hội được nội dung kiến thức mà còn rèn luyện được kỹ năng GQVĐ của mình.

- Phương pháp sử dụng tình huống có vấn đề: Đối với phương pháp này, GV nêu ra các tình huống có liên quan đến nội dung bài giảng và yêu cầu SV vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết. Đây là phương pháp mà nhiều GV giảng dạy pháp luật đại cương áp dụng. Trong cuộc sống, có rất nhiều tình huống phát sinh trên nhiều lĩnh vực phải giải quyết bằng pháp luật. Vì vậy, nếu SV vận dụng các quy định của pháp luật giải quyết tốt nhiều vấn đề pháp lý trong quá trình học sẽ hình thành kỹ năng GQVĐ chuyên ngành thành thạo, qua đó thực hiện tốt công việc chuyên môn khi tốt nghiệp. Để phương pháp này đạt được hiệu quả, các tình huống GV đặt ra phải là những tình huống sát với nội dung kiến thức, gắn với thực tiễn cuộc sống và phải mang tính thời sự để tạo sự kích thích đối với SV.

GV có thể chú trọng tới việc xây dựng, sử dụng bài tập tình huống đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Tình huống được xây dựng theo trình tự từ dễ đến khó.

- Hạn chế và loại bỏ dần những tình huống có nội dung nghèo nàn, xa rời hoặc không phù hợp với thực tiễn.

- Tăng cường xây dựng và sử dụng đa dạng hóa các loại bài tập trắc nghiệm khách quan với nhiều hình thức: Bài tập kiểm tra nhận thức, kỹ năng, khả năng vận dụng...

- Chú trọng xây dựng những tình huống có nội dung phong phú, sâu sắc, có khả năng vận dụng vào thực tế nhằm phát triển kỹ năng GQVĐ.

- Phương pháp tham gia các hoạt động ngoại khóa: Đối với phương pháp này, GV sẽ nêu ra các

vấn đề yêu cầu SV phải thực hiện một số hoạt động ngoại khóa để giải quyết được vấn đề. Các hoạt động ngoại khóa thường là việc SV sẽ tham quan trụ sở các cơ quan nhà nước, thực hiện một hoạt động pháp luật cụ thể hoặc dự phiên tòa xét xử các vụ án... Sau khi có các trải nghiệm cụ thể, SV sẽ dựa vào lý luận kết hợp với thực tiễn để GQVĐ GV đặt ra. Phương pháp giảng dạy thông qua việc tổ chức những hoạt động ngoại khóa giúp SV trao đổi và tham gia các tổ chức xã hội bên ngoài nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc học tập lý thuyết trên lớp cũng như nâng cao kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh khi tốt nghiệp.

3.4.2. Đối với SV

Để giải quyết tốt các vấn đề trong hoạt động học tập đối với học phần Pháp luật đại cương, SV cần thực hiện tốt các việc sau:

Thứ nhất, SV cần nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng GQVĐ: Kỹ năng GQVĐ là một trong những kỹ năng vô cùng hiệu quả để người học phát huy thêm kỹ năng phân tích và phán đoán các tình huống sẽ và đang xảy ra. Người học càng rèn luyện kỹ năng này, không những càng đem lại nhiều tri thức mà còn đúc kết cho bản thân nhiều kinh nghiệm quý báu sau mỗi lần giải quyết được một vấn đề xảy ra trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Thứ hai, SV phải độc lập và tự chủ trong việc GQVĐ. Khi GV đưa ra một tình huống có vấn đề hay một ý tưởng cần tìm giải pháp thì đòi hỏi bản thân SV cần có thái độ nghiêm túc, hợp tác để tìm ra biện pháp GQVĐ. Ngoài ra, SV nên tự chủ để tạo ra một tình huống vấn đề và đề xuất với GV. Từ đó, dưới sự hướng dẫn của GV cùng nhau tìm hiểu và GQVĐ đó. Việc chủ động và độc lập suy nghĩ trong việc học được xem là những phẩm chất cần có của người học được đào tạo ở trình độ đại học.

Thứ ba, SV phải nắm vững kiến thức của học phần.

Mỗi nội dung của học phần Pháp luật đại cương có rất nhiều kiến thức, câu hỏi và bài tập được đưa ra để đánh giá và đo đếm mức độ nắm vững các kiến thức của SV. Vì vậy, trong quá trình học, SV phải tập trung lắng nghe, biết cách ghi chép, đọc hiểu, phải tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, nghiên cứu, tự học mà GV yêu cầu để từ đó nắm vững các kiến thức cốt lõi của từng nội dung trong học phần.

Thứ tư, SV phải luôn tự hỏi, tự thắc mắc để tìm thông tin trả lời.

Trong quá trình học, để hiểu rõ vấn đề, phân tích đào sâu và nắm vững kiến thức, SV cần luôn tự đặt ra các câu hỏi, tự trả lời rồi trao đổi với bạn bè hoặc ghi nhận lại những câu hỏi mà mình chưa giải đáp được. Trong giờ học, SV không chỉ tập trung lắng nghe mà còn phải biết phát huy vốn kiến thức của mình để xây dựng bài học mới; mạnh dạn nêu những vấn đề từ thực tiễn, những thắc mắc hoặc trao đổi mở rộng bài học với GV, chủ động nêu ý kiến cá nhân về vụ việc, vụ án nào đó trong khi tìm hiểu. Đối với các tình huống mẫu GV đặt ra, SV phải luôn biết thắc mắc: Tại sao tình huống lại giải quyết như thế? Dựa vào cơ sở pháp lý nào?... Việc tự đặt câu hỏi và tự tìm cách trả lời có ý nghĩa trong việc rèn luyện tư duy và kỹ năng GQVĐ của SV.

Thứ năm, để giải quyết tốt các vấn đề trong quá trình học tập học phần Pháp luật đại cương cũng như các học phần chuyên ngành, SV cần thực hiện tốt các bước sau:

- Bước 1: Xác định vấn đề.

Để giải quyết chính xác vấn đề, việc đầu tiên là SV phải xác định được vấn đề thuộc lĩnh vực nào? Cần đọc văn bản nào để giải quyết? Đây là bước rất quan trọng để SV không bị lạc đề, có ý nghĩa là tiền đề cho các bước tiếp theo.

- Bước 2: Thu thập dữ kiện đầy đủ của vấn đề.

+ SV phải điều tra lý lưỡng những dữ kiện liên quan đến tình huống vấn đề;

+ Phỏng vấn đương sự hoặc những người có liên quan;

+ Thu thập những kinh nghiệm GQVĐ tương tự.

- Bước 3: Phân tích.

SV sẽ phân tích các dữ liệu của vấn đề. Để làm tốt việc này, SV phải đọc kỹ các dữ liệu của vấn đề, từ đó phân tích và phân loại vấn đề theo dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình,...

- Bước 4: Tổng hợp.

+ Tổng hợp nhiều phương án cho GQVĐ;

+ Khái quát hóa, rút ra các kết luận để GQVĐ;

+ Vạch ra những giải pháp cụ thể, những điều kiện cần và đủ để giải quyết đúng đắn vấn đề.

- Bước 5: Áp dụng kế hoạch hành động.

Giai đoạn này là giai đoạn SV sẽ áp dụng việc GQVĐ trong hoạt động thực tiễn. Để làm tốt bước này, SV sẽ đặt các câu hỏi và tìm phương án trả lời

hiệu quả: Làm gì? Làm thế nào? Ai làm? Thời gian thực hiện và kết thúc? Những điều kiện cần có để thực hiện?,.....

Tóm lại, để GQVĐ, SV phải huy động trí nhớ, tri giác, lý luận, khái niệm hóa, ngôn ngữ, đồng thời sử dụng cả cảm xúc, động cơ, niềm tin ở năng lực bản thân và khả năng kiểm soát được tình thế để giải quyết tốt các vấn đề trong học tập và thực tiễn.

4. Kết luận

Phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao năng lực GQVĐ cho SV đang được các cơ sở đào tạo đại học quan tâm, trong đó có Trường Đại học Tiền Giang. Vì vậy, GV ngoài việc cung cấp các kiến thức chuyên môn thì việc lồng ghép các kỹ năng nhận diện, phát hiện, phân tích, kết luận vấn đề và trình bày kết quả là hết sức cần thiết. Để hình thành năng lực GQVĐ cho SV, GV cần chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển năng lực GQVĐ của mỗi người học, định hướng thái độ tích cực, mục đích học tập đúng đắn từ chính mỗi SV. Chính những điều đó, sẽ nâng cao năng lực GQVĐ của SV nhằm trang bị cho các em nhận thức, phương pháp và cách GQVĐ đối với các học phần chuyên ngành cũng như giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

- Đặng, X. H. (2013). *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. Hà Nội: NXB Bách khoa Hà Nội.
- Huỳnh, V. S. (2012). *Phát triển kỹ năng mềm cho SV các trường đại học sư phạm*. Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Bộ, B2012.19.05, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lại, T. L. (2011). *Kỹ năng GQVĐ và ra quyết định*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, C. T., & Lê, H. Y. (2011). *Xã hội học tập và học tập suốt đời và các kỹ năng tự học*. Hà Nội: NXB Dân Trí.
- Nguyễn, Q. U. (2008). Khái niệm kỹ năng sống xét theo góc độ tâm lý học. *Tạp chí Tâm lý học, Số tháng 6/2008*, 1-4.
- Nguyễn, T. K. C. (2018). Một số biện pháp phát triển năng lực GQVĐ cho SV Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An. *Tạp chí Giáo dục, Số tháng 6/2018*, 76-80.
- Trần, L. (2014). Phát triển kỹ năng GQVĐ cho SV Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số 8/2014*, 42-53.